

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN THANH THỦY

**BIỆN PHÁP TRẢ LẠI TÀI SẢN, SỬA CHỮA HOẶC
BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI, BUỘC CÔNG KHAI XIN LỖI
TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
(Trên cơ sở thực tiễn địa bàn tỉnh tỉnh Thái Nguyên)**

Chuyên ngành: Luật hình sự và Tố tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 04

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2016

**Công trình được hoàn thành tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS ĐỖ NGỌC QUANG

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội
Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2016**

Có thể tìm hiểu luận văn tại

Trung tâm tư liệu Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

Trung tâm tư liệu - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bì

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các từ viết tắt

Danh mục các bảng

| | |
|---|----|
| MỞ ĐẦU | 1 |
| Chương 1: NHẬN THỨC CHUNG VỀ BIỆN PHÁP TRẢ LẠI TÀI SẢN, SỬA CHỮA HOẶC BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI, BUỘC CÔNG KHAI XIN LỖI TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM..... | 10 |
| 1.1. Khái niệm và đặc điểm biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong Luật hình sự Việt Nam | 10 |
| 1.1.1. Khái niệm biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong Luật hình sự Việt Nam..... | 10 |
| 1.1.2. Đặc điểm biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong Luật hình sự Việt Nam..... | 13 |
| 1.2. Khái quát lịch sử pháp phát triển của luật hình sự Việt Nam về biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi..... | 16 |
| 1.2.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến trước 1985 | 16 |
| 1.2.2. Giai đoạn từ 1985 đến nay | 18 |
| 1.3. Nghiên cứu so sánh biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong pháp luật hình sự một số nước | 20 |
| 1.3.1. Biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong pháp luật hình sự của Trung Quốc .. | 20 |
| 1.3.2. Biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong pháp luật hình sự của Liên bang Nga | 22 |
| Kết luận chương 1 | 23 |

| | |
|--|-----------|
| Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ 1999 VỀ BIỆN PHÁP TRẢ LẠI TÀI SẢN, SỬA CHỮA HOẶC BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI, BUỘC CÔNG KHAI XIN LỖI VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN | 24 |
| 2.1. Quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi | 24 |
| 2.1.1. Quy định về biện pháp trả lại tài sản | 24 |
| 2.1.2. Quy định về biện pháp sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại | 27 |
| 2.1.3. Quy định về bồi thường thiệt hại về tinh thần, buộc công khai xin lỗi | 36 |
| 2.1.4. Những điểm mới về biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong BLHS năm 2015 .. | 40 |
| 2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định về biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên từ năm 2010 đến 2015 | 41 |
| 2.2.1. Đặc điểm tình hình của tỉnh Thái Nguyên liên quan đến việc áp dụng các quy định về biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong luật hình sự Việt Nam..... | 41 |
| 2.2.2. Kết quả xử lý các tội phạm liên quan đến việc áp dụng các quy định về biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong luật hình sự Việt Nam tại Thái Nguyên giai đoạn 2010 - 2015 | 44 |
| 2.2.3. Những tồn tại, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi | 55 |
| 2.2.4. Những nguyên nhân gây nên tồn tại, vướng mắc trong áp dụng biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi..... | 57 |
| Kết luận chương 2 | 59 |

| | |
|--|-----------|
| Chương 3: CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP TRẢ LẠI TÀI SẢN, SỬA CHỮA HOẶC BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI, BUỘC CÔNG KHAI XIN LỖI TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM..... | 60 |
| 3.1. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về cải cách tư pháp có liên quan đến áp dụng biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi..... | 60 |
| 3.2. Các giải pháp cụ thể..... | 62 |
| 3.2.1. Giải thích và hướng dẫn áp dụng biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong BLHS 2015 | 62 |
| 3.2.2. Nâng cao trình độ đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân | 65 |
| 3.2.3. Nâng cao tuyên truyền, phổ biến văn hóa pháp lý trong nhân dân | 68 |
| Kết luận chương 3 | 70 |
| KẾT LUẬN | 71 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO..... | 73 |

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Các biện pháp tư pháp quy định trong Bộ luật hình sự (BLHS) là những biện pháp cưỡng chế của Nhà nước được các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng đối với người phạm tội hoặc người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhằm ngăn ngừa họ tiếp tục phạm tội hoặc gây nguy hiểm cho xã hội và giáo dục họ trở thành những công dân có ích cho xã hội. Trong đó, biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong luật hình sự Việt Nam được sử dụng để đấu tranh và phòng chống tội phạm như là các loại tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người; các tội xâm phạm quyền sở hữu; các tội phạm về chức vụ cũng như các tội phạm kinh tế...

Trong quá trình đấu tranh và phòng chống tội phạm các biện pháp tư pháp thường được áp dụng nhiều nhất biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi. Trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, biện pháp tư pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại và buộc công khai xin lỗi không có ý nghĩa quyết định như hình phạt nhưng trong giới hạn tác động của nó đã phát huy được vai trò tích cực, là một bộ phận cấu thành không thể thiếu trong hệ thống các biện pháp tác động của Nhà nước và xã hội đến tội phạm.

Theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành các biện pháp tư pháp gồm: Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm (Điều 41 BLHS); Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi (Điều 42 BLHS); Bắt buộc chữa bệnh (Điều 43 BLHS); và giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng (áp dụng với người chưa thành niên phạm tội). Các biện pháp tư pháp nhằm loại bỏ những điều kiện phạm tội, ngăn ngừa họ phạm tội trong tương lai và khi áp dụng cùng hình phạt nó có vai trò hỗ trợ cho hình phạt.

Tuy nhiên, việc nhận thức cũng như áp dụng biện pháp "trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi" một cách chính xác, trên cơ sở đó đưa ra phán quyết công bằng và thống nhất chung cho mọi trường hợp không phải là việc dễ dàng, đơn giản đối với những người tiến hành tố tụng. Vì thế có nhiều trường hợp đã dẫn đến tình trạng cơ quan tiến hành tố tụng lúng túng trong áp dụng các điều luật có nội dung liên quan đến vấn đề xử lý tài sản là đối tượng chiếm đoạt hoặc bị sử dụng trái phép, còn tồn tại việc xác định thiệt hại cũng như đánh giá các chứng cứ liên quan đến vấn đề bồi thường thiệt hại chưa triệt để dẫn đến Tòa án đưa ra quyết định về việc bồi thường thiệt hại chưa thỏa đáng, có

trường hợp bồi thường thấp có trường hợp bồi thường cao; tiến hành xin lỗi không đúng trình tự thủ tục gây bức xúc dư luận.....

Thái Nguyên là một tỉnh ở Đông Bắc, tiếp giáp với thủ đô Hà Nội và là tỉnh nằm trong quy hoạch vùng thủ đô Hà Nội. Hằng năm, Ngành tư pháp tỉnh Thái Nguyên xét xử vụ án được áp dụng biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi. Vì vậy, việc học viên nghiên cứu ***“Biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong luật hình sự Việt Nam (Trên cơ sở thực tiễn địa bàn tỉnh Thái Nguyên)”*** làm luận văn thạc sĩ luật học sẽ tiếp tục góp phần làm phong phú thêm các biện pháp tư pháp trong Luật Hình sự Việt Nam. Đề tài sẽ tiến hành nghiên cứu để đáp ứng được cả hai phương diện lý luận và thực tiễn, tuy nhiên, đây là đề tài khá mới và phức tạp, luận văn sẽ nghiên cứu một số vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến áp dụng biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong luật hình sự Việt Nam trên cơ sở nghiên cứu số liệu thực tiễn xét xử 5 năm (2010 - 2015) địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Tình hình nghiên cứu

Từ khi BLHS năm 1999 có hiệu lực, các biện pháp biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi cũng đã được một số tài liệu, bài viết tạp chí đề cập đến và cũng đã được các nhà nghiên cứu chọn làm đề tài luận văn, luận án.

Trước tiên, phải kể đến là Giáo trình của một số cơ sở đào tạo Luật trong nước, như:

Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung) của Khoa Luật Đại học quốc gia Hà Nội, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007;

Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, Tập 1, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Công an nhân dân, 2010;

Giáo trình Luật hình sự Việt Nam của Học viện Tư pháp, PGS.TS Nguyễn Văn Huyền (chủ biên), Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2011.

Thứ hai, ở cấp độ luận văn thạc sĩ thực hiện ở Trường Đại học Luật Hà Nội có đề tài của Lê Thị Bích Lan, "Một số vấn đề trách nhiệm bồi thường thiệt hại do xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm"; cấp độ đề tài luận án tiến sĩ của Nguyễn Thanh Hồng, "Trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong vụ án tai nạn giao thông đường bộ".

Thứ ba, một số sách chuyên khảo như: Sách chuyên khảo sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung), của GS.TSKH Lê Văn Cẩm, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005; "Những vấn đề lý luận và thực tiễn về hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam",

PGS.TS Trịnh Quốc Toàn, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2011; "*Cơ sở lý luận và thực tiễn nâng cao hiệu quả của các biện pháp tư pháp và các hình phạt không phải là tù và tử hình*", Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995; "*Tìm hiểu hình phạt và các biện pháp tư pháp trong luật hình sự Việt Nam: những văn bản hướng dẫn thi hành hình phạt trong BLHS 1999*", Trần Minh Hưởng, Nxb Lao động, Hà Nội, 2007; "*Hoàn thiện các quy định chung của phần chung BLHS trong yêu cầu mới của đất nước*", TS. Trịnh Tiến Việt, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.

Thứ tư, một số bài viết trên các tạp chí chuyên ngành cũng đã đề cập đến đối tượng nghiên cứu của luận văn này, như: "*Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi xâm hại tính mạng, sức khỏe con người*" của ThS. Đinh Văn Quế (Tạp chí Tòa án, số 10/2004); "*Quy định của BLHS và Bộ luật tố tụng hình sự về việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu và thực tiễn áp dụng*" của ThS. Nguyễn Văn Trọng (Tạp chí Tòa án nhân dân, số 12/2005); "*Thực trạng quy định của pháp luật hình sự về các biện pháp tư pháp*" của TS. Trương Quang Vinh (Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 02/2010); "*Các biện pháp tư pháp trong BLHS năm 1999 và vấn đề hoàn thiện Bộ luật Tố tụng hình sự về trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp đó*" của TS. Phạm Hồng Hải, Tạp chí luật học, số 5/2000; "*Thi hành các biện pháp tư pháp không phải là hình phạt*" của Hồ Sĩ Sơn, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 04/2004; "*Vai trò của gia đình trong việc thi hành các hình phạt không tước tự do và các biện pháp tư pháp*" của TS. Trần Quang Tiệp, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 02/2004; "*Tăng cường năng lực hệ thống tư pháp người chưa thành niên tại Việt Nam*" Thông tin khoa học chuyên đề, Viện khoa học pháp lý, 2000.

Tình hình nghiên cứu cho thấy, trong lĩnh vực nghiên cứu lý luận về vấn đề này, các nhà nghiên cứu luật học đã đề cập đến một mức độ nào đó về biện pháp tư pháp. Tuy nhiên chưa có công trình nghiên cứu riêng về biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi" mà chỉ đơn lẻ nghiên cứu đề cập về vấn đề bồi thường thiệt hại. Để việc đưa biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi" áp dụng vào thực tiễn được chính xác, cụ thể hơn đòi hỏi vấn đề lý luận về loại biện pháp tư pháp này phải được nghiên cứu sâu hơn, toàn diện, có hệ thống và chính thống hơn. Dưới góc độ một luận văn thạc sĩ luật học, cho đến nay chưa có công trình nào đề cập riêng rẽ đến trên một địa bàn cụ thể, cũng như nghiên cứu thực tiễn xét xử trong của tỉnh Thái Nguyên.

Đề tài mà tác giả nghiên cứu sẽ tập trung nghiên cứu pháp luật và

thực tiễn áp dụng tỉnh Thái Nguyên theo hướng làm rõ lý luận và quy định pháp luật, những điểm mới, tiến bộ trong so sánh luật gắn với thực tiễn áp dụng tại tỉnh Thái Nguyên, vì vậy sẽ có giá trị về lý luận hoàn thiện luật pháp lần ý nghĩa áp dụng thực tiễn tại địa phương.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Việc nghiên cứu đề tài nhằm đạt được những mục tiêu cơ bản sau:

- Khái quát, hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong pháp luật hình sự Việt Nam.

- Đánh giá thực trạng pháp luật và áp dụng pháp luật về thực tiễn trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong pháp luật hình sự Việt Nam (qua nghiên cứu địa bàn tỉnh Thái Nguyên);

- Chỉ ra những thành công, kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế; nguyên nhân tồn tại, hạn chế của việc áp dụng pháp luật về trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong pháp luật hình sự Việt Nam và đề xuất các giải pháp nhằm tiếp tục hoàn thiện pháp luật trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong pháp luật hình sự Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích, luận văn có các nhiệm vụ sau đây:

- Nghiên cứu và xây dựng các khái niệm: Khái niệm, đặc điểm biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi; Vai trò, mục đích, ý nghĩa của biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi; Khái quát lịch sử pháp luật hình sự Việt Nam.

- Nghiên cứu pháp luật hiện hành về biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi.

- Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng không tích cực tới thực hiện pháp luật về biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi

- Đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật về về biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong pháp luật hình sự Việt Nam tại địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

- Đề xuất những giải pháp hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật trong quá trình áp dụng quy định về biện pháp trả lại tài sản, sửa

chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong pháp luật hình sự Việt Nam tại địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật về biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong pháp luật hình sự Việt Nam tại địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Nghiên cứu các vấn đề lý luận và pháp luật về biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong pháp luật hình sự Việt Nam; Nghiên cứu các quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về về biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong pháp luật hình sự Việt Nam; Nghiên cứu các quy định về biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành; Nghiên cứu các quy định chỉ đạo thực hiện các quy định tỉnh Thái Nguyên nhằm tổ chức triển khai pháp luật về biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong pháp luật hình sự Việt Nam trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; thời gian: Từ năm 2010 đến 2015; Địa bàn: tỉnh Thái Nguyên.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn sử dụng phương pháp luận nghiên cứu khoa học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Mác- Lê nin tư tưởng Hồ Chí Minh về chính sách hình sự, thực hiện công bằng xã hội, bảo vệ an ninh chính trị, đấu tranh phòng chống tội phạm.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích, luận giải, bình luận... được sử dụng trong Chương 1 khi nghiên cứu cơ sở lý luận về về biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong pháp luật hình sự Việt Nam.

- Phương pháp phân tích, đánh giá, diễn giải, so sánh, tổng hợp, quy nạp... được sử dụng trong Chương 2 khi nghiên cứu pháp luật hiện hành về biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong pháp luật hình sự Việt Nam, thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Phương pháp bình luận, tổng hợp... được sử dụng trong Chương 3 khi nghiên cứu các giải pháp nhằm tiếp tục hoàn thiện pháp luật về

biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong luật hình sự Việt Nam và các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về đối với về biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong luật hình sự Việt Nam trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

6. Ý nghĩa của luận văn

Luận văn có những ý nghĩa nhất định về mặt khoa học: trình bày hệ thống lịch sử phát triển và cung cấp tổng quan lý luận về các Biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong luật hình sự Việt Nam; Phân tích cụ thể trường hợp cụ thể của tỉnh Thái Nguyên từ đó rút ra các nhận định đánh giá về áp dụng thực định, kiến nghị với đảng và nhà nước các biện pháp hoàn thiện. Luận văn có ý nghĩa nhất định về mặt thực tiễn và tham khảo chuyên môn trong nghiên cứu và thực hiện pháp luật hình sự.

7. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn có 3 chương bao gồm:

Chương 1: Nhận thức chung về biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong Luật hình sự Việt Nam.

Chương 2: Quy định của BLHS 1999 về biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi và thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Chương 3: Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong luật hình sự Việt Nam.

Chương 1

NHẬN THỨC CHUNG VỀ BIỆN PHÁP TRẢ LẠI TÀI SẢN, SỬA CHỮA HOẶC BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI, BUỘC CÔNG KHAI XIN LỖI TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm và đặc điểm biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong Luật hình sự Việt Nam

1.1.1. Khái niệm biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong Luật hình sự Việt Nam

Biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi khi điều tra, truy tố và xét xử các tội phạm có liên quan

đến việc chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép tài sản hoặc những tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm..., Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án thường phải áp dụng các quy định của BLHS và BLTTHS để giải quyết những vấn đề liên quan đến tài sản, bồi thường thiệt hại. Một trong những biện pháp giải quyết vấn đề tài sản và trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự mà cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng hiệu quả là biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại hoặc buộc công khai xin lỗi" được quy định tại Điều 42 BLHS năm 1999. Theo đó, BLHS quy định trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi: *"1. Người phạm tội phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, phải sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại vật chất đã được xác định do hành vi phạm tội gây ra. 2. Trong trường hợp phạm tội gây thiệt hại về tinh thần, Tòa án buộc người phạm tội phải bồi thường về vật chất, công khai xin lỗi người bị hại"*.

Biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi được tiếp tục quy định trong BLHS năm 2015 về các biện pháp tư pháp tại Điều 46. Đây là một điều luật mới quy định rõ các biện pháp tư pháp. Các biện pháp tư pháp đối với người phạm tội vẫn gồm: *Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm; Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi; Bắt buộc chữa bệnh.*

Như vậy, tác giả đưa ra một khái niệm về biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi là *biện pháp cưỡng chế hình sự do BLHS quy định và được cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng buộc người phạm tội phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi do hành vi phạm tội gây ra.*

1.1.2. Đặc điểm biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong Luật hình sự Việt Nam

Thứ nhất, biện pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi" là biện pháp cưỡng chế về hình sự của Nhà nước ít nghiêm khắc hơn hình phạt và hậu quả của việc áp dụng biện pháp tư pháp này là người bị áp dụng không bị coi là có án tích nếu như biện pháp này được áp dụng độc lập với hình phạt.

Thứ hai, biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi" được áp dụng cho chính cá nhân, pháp nhân cụ thể thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội.

Thứ ba, biện pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt

hại, buộc công khai xin lỗi" nhằm hỗ trợ hoặc thay thế cho hình phạt, nhằm loại bỏ những điều kiện phạm tội, ngăn ngừa chủ thể bị áp dụng phạm tội trong tương lai.

Thứ tư, biện pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi" được áp dụng đối với tất cả các giai đoạn tố tụng. Vì vậy Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án đều có thẩm quyền áp dụng biện pháp tư pháp này khi có căn cứ đối với người phạm tội nói chung (người bị tạm giữ, bị can, bị cáo và cả người bị kết án).

1.2. Khái quát lịch sử pháp phát triển của luật hình sự Việt Nam về biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi

1.2.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến trước 1985

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, luật hình sự nước ta đã quy định về hình phạt và phân chia hình phạt thành ba loại: chính hình, phụ hình và bổ túc hình. Trong đó, chính hình là hình phạt tuyên độc lập cho mỗi tội phạm, phụ hình là hình phạt thêm vào hình phạt chính, không cần Tòa án tuyên án. Phụ hình là hậu quả tất yếu của chính hình nên Tòa án không cần tuyên phụ hình mà nó vẫn được thi hành theo luật pháp. Bổ túc hình theo tên gọi cũng là thêm vào hình phạt chính, không có bổ túc hình khi không có hình phạt chính. Tuy nhiên, khác với phụ hình, bổ túc hình chỉ được áp dụng cho tội nhân khi Tòa án có tuyên phạt rõ ràng. Bổ túc hình hay còn gọi là hình phạt bổ sung trong luật hình sự thời kỳ này gồm: tịch thu tài sản, buộc phải bồi thường chi phí hay tổn hại, tước quyền công dân, lưu xứ, quản thúc, câu thúc thân thể, niêm yết tên tuổi phạm nhân nơi công cộng. Thời kỳ này luật hình sự nước ta chưa có quy định về biện pháp tư pháp. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến trước khi ban hành BLHS năm 1985 nước ta đã trải qua một thời kỳ lịch sử đầy biến động, xã hội còn nhiều khó khăn nên công tác xây dựng pháp luật nói chung, luật hình sự nói riêng đặc biệt là các quy phạm pháp luật quy định về biện pháp tư pháp chưa thực sự được chú trọng quan tâm, nên pháp luật lúc này còn rất nhiều hạn chế. Mặc dù các biện pháp tư pháp trong thời kỳ này chưa được quy định thành một chương riêng với tên gọi là các biện pháp tư pháp như hiện nay nhưng trong thời kỳ này một số biện pháp tư pháp đã được quy định rải rác trong các Sắc lệnh như: Sắc lệnh số 01/SL ngày 19/4/1957 trừng trị tội đánh bạc tại Điều 2 quy định về biện pháp tịch thu tang vật; Sắc lệnh 267/SL ngày 15/6/1956 quy định về biện pháp bồi thường thiệt hại. Khi người phạm tội chiếm đoạt, sử dụng trái phép tài sản thuộc sở hữu xã hội chủ nghĩa hay sở hữu của người khác hoặc người phạm tội gây ra thiệt hại vật chất cho người khác thì ngoài TNHS họ đồng

thời phải chịu trách nhiệm về dân sự. Bắt buộc người phạm tội phải trả lại những vật, tiền đã chiếm đoạt cho người sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, phải sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại vật chất đã được xác định do hành vi phạm tội gây ra có ý nghĩa như là biện pháp bảo vệ tài sản của công dân cũng như tài sản thuộc sở hữu xã hội chủ nghĩa.

Như vậy có thể nói biện pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" trong thời kỳ này được đề cập chủ yếu trong thực tiễn xét xử.

1.2.2. Giai đoạn từ 1985 đến nay

Giai đoạn từ sau khi ban hành BLHS năm 1985 đến trước khi ban hành BLHS năm 1999 BLHS năm 1985 là BLHS đầu tiên kể từ khi thống nhất đất nước đã được kỳ họp thứ IX - Quốc hội khóa VII thông qua ngày 27/6/1985, có hiệu lực từ ngày 01/01/1986. Sự ra đời của BLHS năm 1985 đánh dấu một bước tiến vượt bậc trong hoạt động lập pháp, thể hiện tập trung chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước, các quy phạm pháp luật hình sự được pháp điển hóa. Lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp của nước ta các biện pháp tư pháp được quy định thành một chương riêng, hoàn chỉnh - Chương V với tên gọi "Các biện pháp tư pháp".

Với quy định trên hạn chế của BLHS năm 1985 đã được khắc phục, tài sản được thống nhất ở phương diện rộng mà Bộ luật dân sự quy định; Đồng thời nhà làm luật đã nêu thêm trường hợp phạm tội gây thiệt hại về tinh thần (nếu có và xác định được) thì còn cho phép Tòa án buộc người phạm tội phải bồi thường về vật chất theo quy định của Bộ luật dân sự và công khai xin lỗi người bị hại (NBH). Công khai xin lỗi NBH cũng sẽ là biện pháp tốt, góp phần an ủi, xoa dịu nỗi đau phần nào hậu quả mà người phạm tội đã gây ra cho họ. Kế thừa toàn bộ những nội dung này, BLHS năm 2015 giữ nguyên các quy định này trong điều 48 BLHS năm 2015.

1.3. Nghiên cứu so sánh biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong pháp luật hình sự một số nước

1.3.1. Biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong pháp luật hình sự của Trung Quốc

Theo điều 64 BLTTHS của Trung Quốc năm 2009 quy định: “Điều 64. *Tất cả tài sản bất hợp pháp của người phạm tội đều buộc giao nộp hoặc yêu cầu bồi hoàn. Tài sản hợp pháp của người bị hại được hoàn trả ngay. Hàng cấm, tài sản riêng của người phạm tội dùng vào việc phải bị tịch thu*”.

Tuy nhiên so sánh với quy định của BLHS Việt Nam, BLHS của Trung Quốc còn nhiều thiếu vắng, mới chỉ nêu ra trường hợp “*Tài sản hợp pháp của người bị hại được hoàn trả ngay*” mà chưa đề cập đến việc sửa

chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi như pháp luật Việt Nam. Như vậy còn các trường hợp tài sản không thu hồi được, thu hồi được một phần (thiếu phần còn lại, tài sản bị hỏng hóc cần bồi thường), đặc biệt là bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín bị hành vi phạm tội xâm hại chưa được đặt ra. Để bổ sung khiếm khuyết này BLTTHS của Trung Quốc quy định bổ sung một chương là Chương VII, Chương “Tổ tụng dân sự kèm theo” trong đó quy định:

1.3.2. Biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong pháp luật hình sự của Liên bang Nga

So sánh với BLHS của Việt Nam và Trung Quốc, BLHS của Cộng hòa liên bang Nga năm 1996 không có quy định về các biện pháp *trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi* trong Bộ luật hình sự.

Trong BLTTHS Cộng hòa liên bang Nga quy định gián tiếp việc *trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong pháp luật hình sự* qua việc xác nhận tư cách pháp lý của người bị hại và nguyên đơn dân sự trong vụ án để họ tham gia phiên tòa, yêu cầu bồi thường và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và pháp luật tố tụng dân sự của nước họ.

Kết luận chương 1

Luận văn đưa ra khái niệm về biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi là biện pháp cưỡng chế hình sự do BLHS quy định và được cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng buộc người phạm tội phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi do hành vi phạm tội gây ra.

Trường hợp phạm tội gây thiệt hại về tinh thần nếu có và xác định được thì còn cho phép Tòa án buộc người phạm tội phải bồi thường về vật chất theo quy định của Bộ luật dân sự và công khai xin lỗi người bị hại. Công khai xin lỗi người bị hại cũng sẽ là biện pháp tốt, góp phần an ủi, xoa dịu nỗi đau phần nào hậu quả mà người phạm tội đã gây ra cho họ.

Biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi là biện pháp cưỡng chế về hình sự của Nhà nước ít nghiêm khắc hơn hình phạt được áp dụng cho chính cá nhân, pháp nhân cụ thể thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội.

Biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi nhằm hỗ trợ hoặc thay thế cho hình phạt, nhằm loại bỏ những điều kiện phạm tội, ngăn ngừa chủ thể bị áp dụng phạm tội trong tương lai.

Biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi" được áp dụng đối với tất cả các giai đoạn tố tụng. Vì vậy Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án đều có thẩm quyền áp dụng biện pháp tư pháp này khi có căn cứ đối với người phạm tội nói chung người bị tạm giữ, bị can, bị cáo và cả người bị kết án

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ 1999 VỀ BIỆN PHÁP TRẢ LẠI TÀI SẢN, SỬA CHỮA HOẶC BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI, BUỘC CÔNG KHAI XIN LỖI VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

2.1. Quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi

2.1.1. Quy định về biện pháp trả lại tài sản

Điều 42 BLHS năm 1999 quy định về biện pháp trả lại tài sản như sau: “*Người phạm tội phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp*”. Với quy định này nhà làm luật đã thiết lập các nội dung chính đặc trưng sau đây về quy định trả lại tài sản:

Một là, Trả lại tài sản là một biện pháp tư pháp được quy định trong BLHS, mang tính cưỡng chế nhà nước, có thể đây là biện pháp độc lập, nhưng cũng có thể đây là biện pháp đi kèm với hình phạt (chính và bổ sung trong BLHS).

Hai là, chủ thể phải thực hiện biện pháp này là cá nhân người phạm tội, đó là người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm trong các tội phạm có tính chất chiếm đoạt và cả trong các tội phạm không có tính chiếm đoạt nhưng có dấu hiệu pháp lý chiếm giữ, sử dụng tài sản vẫn là chủ thể phải thực hiện biện pháp tư pháp này như các tội: sử dụng trái phép tài sản, chiếm giữ trái phép tài sản...

Ba là, tài sản được đề cập trong quy định tại điều luật này với tư cách là đối tượng mà người phạm tội hướng đến phải đảm bảo các đặc điểm riêng so với quy định về khái niệm tài sản mà Bộ luật dân sự quy định ở những điểm sau đây:....

Bốn là, Chỉ áp dụng biện pháp trả lại tài sản khi đã xác định được người sở hữu tài sản hoặc người quản lý tài sản hợp pháp. Đối với tài sản không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản hợp pháp thì Tòa án sẽ áp dụng biện pháp tịch sung quỹ nhà nước theo quy định của Bộ luật dân sự với tính chất là tài sản vô chủ.

Năm là, Giải quyết tài sản trong một số tình huống đặc biệt: tài sản được xác định để trả lại phải là chính tài sản bị người phạm tội chiếm đoạt, chiếm giữ, sử dụng trái phép (trừ trường hợp đặc biệt là tiền thì không cần phải là chính số và loại tiền là đối tượng của tội phạm xâm phạm)...

Phân tích quy định trên đây cho thấy nội dung điều luật quy định còn hạn chế, bất cập cụ thể: Điều luật chỉ xác định phải trả lại tài sản “đã chiếm đoạt” cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, tuy nhiên như đã phân tích việc trả lại tài sản không phải chỉ áp dụng trong trường hợp người phạm tội phạm vào các tội có tính chất chiếm đoạt mà còn được áp dụng trong các tội chiếm giữ hoặc sử dụng trái phép tài sản. Ở hai trường hợp này người phạm tội không có ý thức chiếm đoạt mà chỉ tạm thời thực hiện một phần quyền của chủ sở hữu là sử dụng hoặc chiếm giữ tài sản, không có khả năng chuyên hóa, định đoạt được tài sản nhưng vẫn cần thiết phải áp dụng việc trả lại tài sản cho họ.

2.1.2. Quy định về biện pháp sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại

Biện pháp bắt buộc phải sửa chữa và biện pháp buộc phải bồi thường thiệt hại là hai biện pháp riêng biệt được quy định tại điều 42 BLHS năm 1999 cùng với biện pháp buộc phải trả lại tài sản. Trong biện pháp buộc bồi thường thiệt hại có thể phân chia thành hai trường hợp: Bồi thường thiệt hại về vật chất và bồi thường thiệt hại về tinh thần.

Cả hai biện pháp này tuy độc lập nhau, riêng biệt nhưng đều có cơ sở lý luận chung để thực hiện đó là quy định pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng khi đáp ứng các nội dung sau đây về căn cứ áp dụng tại Bộ Luật Dân sự năm 2005 đã quy định khá chi tiết và hệ thống đối với loại trách nhiệm này. Trong đó, có những quy định về những thiệt hại do chính hành vi của con người gây nên và những quy định về thiệt hại do tài sản gây thiệt hại. Bộ luật Dân sự năm 2005 cũng xuất phát từ những quy định, những nguyên tắc của pháp luật nói chung và luật dân sự nói riêng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh khi có điều kiện sau:

- *Có thiệt hại xảy ra.*
- *Hành vi gây thiệt hại là hành vi trái pháp luật.*
- *Có lỗi của người gây thiệt hại.*
- *Có mối liên hệ nhân quả giữa thiệt hại và hành vi trái pháp luật.*

2.1.2.1. Biện pháp sửa chữa về tài sản do tội phạm gây ra

2.1.2.2. Biện pháp bồi thường về tài sản do tội phạm gây ra

2.1.3. Quy định về bồi thường thiệt hại về tinh thần, buộc công khai xin lỗi

Thiệt hại về tinh thần có thể coi là trường hợp đặc biệt của NBH, tính chất đặc biệt của nó không phải chỉ gây ra thiệt hại tính toán được mà còn gây hệ lụy lâu dài, ảnh hưởng đến tâm sinh lý của NBH. Thiệt hại về tinh

thần được Bộ luật dân sự xác định là thiệt hại với khái niệm pháp lý là “*thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại*” và khái niệm là “*thiệt hại tinh thần*” trong trường hợp tính mạng, sức khỏe bị xâm hại. Để xác định thiệt hại tinh thần, Bộ luật dân sự năm 2005 quy định như sau:

- Khoản 2 điều 609 Bộ luật dân sự năm 2005:

- Khoản 2 điều 610 Bộ luật dân sự năm 2005:

- Điều 611 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm

Tuy nhiên ở mỗi quy định trường hợp cụ thể có những nội dung riêng biệt mà nhà làm luật nêu ra yêu cầu:

2.1.3.1. Quy định về bồi thường thiệt hại về tinh thần

Khi nghiên cứu về quy định bồi thường thiệt hại về tinh thần trong BLHS năm 1999 và Bộ luật dân sự năm 2005 chúng tôi thấy rằng, quy định này chia thành ba trường hợp sau đây:

Một là, bồi thường thiệt hại về tinh thần trong trường hợp sức khỏe bị xâm hại

Hai là bồi thường thiệt hại về tinh thần trong trường hợp tính mạng bị xâm hại

Ba là bồi thường thiệt hại về tinh thần là Thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm

2.1.3.2. Quy định về buộc công khai xin lỗi

Buộc công khai xin lỗi cũng là biện pháp tư pháp được quy định trong BLHS năm 1999, đây cũng là biện pháp cưỡng chế để khôi phục lại hậu quả do tội phạm gây ra nhưng trong những hoàn cảnh và điều kiện đặc biệt. Nội dung này được quy định tại khoản 2 điều 42 BLHS năm 1999 như sau: *Trong trường hợp phạm tội gây thiệt hại về tinh thần, Tòa án buộc người phạm tội phải bồi thường về vật chất, công khai xin lỗi NBH.*

2.1.4. Những điểm mới về biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong BLHS năm 2015

BLHS năm 2015 đã được Quốc hội thông qua, tuy nhiên vừa qua do phát hiện có đến 95 lỗi trong BLHS này, Quốc hội đã chính thức lùi hiệu lực lại để sửa đổi bổ sung. Các sai sót chủ yếu nằm ở phần các tội phạm của BLHS, phần chung không ảnh hưởng nhiều. Do đó nhìn chung tinh thần của các quy định liên quan đến buộc bồi thường, sửa chữa khắc phục hậu quả, buộc công khai xin lỗi đối với hậu quả do hành vi phạm tội gây ra vẫn giữ nguyên giá trị nhất định.

Đối với BLHS năm 2015 so sánh với BLHS năm 1999 thì các quy định này giữ nguyên không thay đổi, chỉ được biên tập lại từ điều 42 (BLHS năm 1999) thành điều 48 (BLHS năm 2015).

Về căn cứ áp dụng làm cơ sở để giải quyết là BLDS năm 2005.

2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định về biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên từ năm 2010 đến 2015

2.2.1. Đặc điểm tình hình của tỉnh Thái Nguyên liên quan đến việc áp dụng các quy định về biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong luật hình sự Việt Nam

Tỉnh Thái Nguyên, là trung tâm chính trị, kinh tế của khu Việt Bắc nói riêng, của vùng trung du miền núi đông bắc nói chung, là cửa ngõ giao lưu kinh tế xã hội giữa vùng trung du miền núi với vùng đồng bằng Bắc Bộ; phía Bắc tiếp giáp với tỉnh Bắc Kạn, phía Tây giáp với các tỉnh Vĩnh Phúc, Tuyên Quang, phía Đông giáp với các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang và phía Nam tiếp giáp với thủ đô Hà Nội (cách 80 km); diện tích tự nhiên 3.562,82km².

Tỉnh Thái Nguyên có 09 đơn vị hành chính: Thành phố Thái Nguyên; thành phố Sông Công, thị xã Phổ Yên và 06 huyện: Phú Bình, Đồng Hỷ, Võ Nhai, Định Hóa, Đại Từ, Phú Lương. Tổng số đơn vị hành chính cơ sở gồm 181 xã, trong đó có 125 xã vùng cao và miền núi, còn lại là các xã đồng bằng và trung du. Địa hình không phức tạp lắm so với các tỉnh trung du, miền núi khác, đây là một thuận lợi của Thái Nguyên cho canh tác nông lâm nghiệp và phát triển kinh tế xã hội nói chung so với các tỉnh trung du miền núi khác.

Dân số Thái Nguyên khoảng 1,2 triệu người, trong đó có 8 dân tộc sinh sống. Ngoài ra, Thái Nguyên được cả nước biết đến là một trung tâm đào tạo nguồn nhân lực lớn thứ 3 sau Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh với 9 Trường Đại học, 17 trường Cao đẳng và trung học chuyên nghiệp, 9 trung tâm dạy nghề, mỗi năm đào tạo được khoảng gần 100.000 lao động;

Các vụ án ở Thái Nguyên giai đoạn vừa qua liên quan đến chuyên đề theo học viên gồm các nhóm tội phạm: (i) Nhóm tội phạm liên quan đến các tội chiếm đoạt tài sản như: cướp tài sản, trộm cắp, lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm, (ii) Nhóm tội phạm liên quan đến sử dụng trái phép tài sản, chiếm dụng trái phép tài sản như tội phạm có hành vi: Sử dụng trái phép tài sản, cố ý làm trái, vi phạm quản lý tài sản,; (iii) nhóm tội phạm gây thiệt hại tài sản như: hủy hoại, làm hư hỏng tài sản, tội phạm về an toàn giao thông...; (iv) Nhóm tội phạm xâm hại đến sức khỏe, tính mạng, nhân phẩm con người... các loại này đều có đủ trong cơ cấu tội phạm mà cơ quan nhà nước thống kê, đánh giá sẽ được học viên trình bày ở phần số liệu sau.

2.2.2. Kết quả xử lý các tội phạm liên quan đến việc áp dụng các quy định về biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong luật hình sự Việt Nam tại Thái Nguyên giai đoạn 2010 - 2015

Theo báo cáo tổng kết công tác nhiệm kỳ của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên và báo cáo của Tòa án nhân dân tỉnh giai đoạn từ 2010 đến hết năm 2015 báo cáo trước Hội đồng nhân dân tỉnh, số liệu cụ thể như sau:

+ Cơ quan điều tra (CQĐT) các cấp tại tỉnh Thái Nguyên đã tiếp nhận 7216 tin báo về tội phạm đã giải quyết 6739 tin (đạt tỷ lệ 93,3; kết quả giải quyết đã khởi tố **6892** vụ án/**10980** bị can (án ma túy là 1946 vụ/2224 bị can, án kinh tế sở hữu là 2616 vụ/3292 bị can; án trị an 2288 vụ/ 5371 bị can, án tham nhũng chức vụ 20 vụ/50 bị can, án xâm phạm hoạt động tư pháp 22 vụ/11 bị can).

+ Viện kiểm sát nhân dân hai cấp của tỉnh Thái Nguyên đã truy tố **6408** vụ/10708 bị can;

+ Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Thái Nguyên đã xét xử sơ thẩm **6058** vụ/ 10190 bị can (trong đó 04 bị cáo được tuyên không phạm tội).

+ Tòa án nhân dân tỉnh đã xét xử phúc thẩm là **606** vụ/ 973 bị can.

Sau đây là kết quả thống kê các tội phạm đã xét xử sơ thẩm của ngành Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên liên quan đến chuyên đề bao gồm:

2.2.2.1. Các vụ án liên quan đến trả lại tài sản:

Theo thống kê lý thuyết và tình hình tội phạm thực tế đã xảy ra đã được xét xử sơ thẩm của ngành Tòa án giai đoạn 2010 – 2015 cụ thể tại Thái Nguyên như sau:

Bảng 2.1. Kết quả xét xử sơ thẩm (được chia theo nhóm tội danh) các vụ án liên quan đến trả lại tài sản của ngành Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2010 - 2015

| STT | NHÓM TỘI DANH | SỐ VỤ THUỘC NHÓM | SỐ VỤ CÓ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT |
|-----|--|------------------|----------------------------|
| 01 | Xâm phạm sở hữu và xâm phạm trật tự quản lý kinh tế (có tính chiếm đoạt) | 2097 | 197 |
| 02 | Nhóm tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng (không có tính chiếm đoạt có sử dụng, quản lý trái phép tài sản) | 3157 | 126 |
| 03 | Nhóm tội tham nhũng, chức vụ (Có tính chiếm đoạt) | 123 | 58 |
| 04 | Các tội khác | 681 | 31 |
| | Tổng số | 6058 | 412 |

(Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Phân tích tổng số 6058 vụ án ngành Tòa án đã xét xử sơ thẩm giai đoạn 2010 – 2015 cho thấy có 412 vụ án Tòa án áp dụng pháp luật về việc tuyên trả lại tài sản trong bản án, chiếm tỷ lệ 6,8% tổng số vụ án đã xét xử.

2.2.2.2. Các vụ án liên quan đến buộc sửa chữa hoặc bồi thường tài sản

Theo thống kê lý thuyết và tình hình tội phạm thực tế đã xảy ra đã được xét xử sơ thẩm của ngành Tòa án giai đoạn 2010 – 2015 cụ thể tại Thái Nguyên như sau:

Bảng 2.2. Kết quả xét xử sơ thẩm (được chia theo nhóm tội danh) các vụ án liên quan đến buộc sửa chữa hoặc bồi thường tài sản của ngành Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2010 - 2015

| STT | NHÓM TỘI DANH | SỐ VỤ THUỘC NHÓM | SỐ VỤ CÓ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT |
|-----|--|------------------|----------------------------|
| 01 | Xâm phạm sở hữu và xâm phạm trật tự quản lý kinh tế (có tính chiếm đoạt) | 2097 | 978 |
| 02 | Nhóm tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng (không có tính chiếm đoạt có sử dụng, quản lý trái phép tài sản) | 3157 | 1357 |
| 03 | Nhóm tội tham nhũng, chức vụ (Có chiếm đoạt) | 123 | 76 |
| 04 | Các tội khác | 681 | 167 |
| | Tổng số | 6058 | 2578 |

(Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Phân tích tổng số 6058 vụ án ngành Tòa án đã xét xử sơ thẩm giai đoạn 2010 – 2015 cho thấy có 2578 vụ án Tòa án áp dụng pháp luật về việc tuyên buộc phải bồi thường tài sản mà không tuyên vụ nào buộc phải sửa chữa tài sản trong bản án, chiếm tỷ lệ 42,5% tổng số vụ án đã xét xử. Bảng nghiên cứu của học viên thấy: 100% Tòa án đã áp dụng biện pháp buộc bồi thường tài sản mà không áp dụng biện pháp buộc sửa chữa. Thông qua phương pháp phỏng vấn chuyên gia chúng tôi xác định được lý do từ phía các Thẩm phán: Các Thẩm phán cho rằng biện pháp buộc sửa chữa hoặc buộc bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra là như nhau và đây là quy định lựa chọn nên tòa có quyền lựa chọn một trong hai biện pháp; tuy nhiên đã lựa chọn áp dụng biện pháp *buộc bồi thường thiệt hại về tài sản* vì: khi giải quyết vụ án sẽ quy được thiệt hại ra tiền và dễ ràng giám sát trong thi hành án.

2.2.2.3. Các vụ án liên quan đến buộc công khai xin lỗi

Theo thống kê lý thuyết và tình hình tội phạm thực tế đã xảy ra đã được xét xử sơ thẩm của ngành Tòa án giai đoạn 2010 – 2015 cụ thể tại Thái Nguyên như sau:

Bảng 2.3. Kết quả xét xử sơ thẩm (được chia theo nhóm tội danh) các vụ án liên quan đến buộc công khai xin lỗi của ngành Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2010 - 2015

| STT | NHÓM TỘI DANH | SỐ VỤ THUỘC NHÓM/tổng vụ | SỐ VỤ CÓ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT |
|-----|---|-------------------------------|-----------------------------|
| 01 | Xâm phạm tính mạng sức khỏe | 1379 | 78 |
| 02 | Nhóm tội phạm xâm hại danh dự nhân phẩm | 157 | 157 |
| | Tổng số | 1536 /6058 = 25,3% | 235/1536 = 15,3% |

(Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Phân tích cơ cấu số vụ án thuộc nhóm có thể áp dụng quy định của pháp luật về việc buộc công khai xin lỗi có thể thấy chiếm tỷ lệ rất ít bằng 25,3% trong tổng số vụ án hình sự xảy ra trên địa bàn giai đoạn vừa qua. Tuy nhiên, qua phân tích các trường hợp tòa án áp dụng lại càng ít hơn: Tòa án chỉ áp dụng tổng số 235 vụ/ 1536 vụ bằng 15,3% của án loại này; số vụ án tòa án đã áp dụng có ghi trong bản án chỉ chiếm 3,8% trên tổng số vụ án hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết.

2.2.3. Những tồn tại, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi

Qua phân tích thực tiễn thi hành pháp luật và khảo sát cụ thể tại địa phương, chúng tôi thấy có một số vướng mắc phát sinh trong áp dụng các quy định pháp luật về trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường tài sản và buộc công khai xin lỗi....

2.2.4. Những nguyên nhân gây nên tồn tại, vướng mắc trong áp dụng biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi

Nghiên cứu về những hạn chế trên đây, học viên rút ra các nguyên nhân chính dẫn đến sai sót, tồn tại đã nêu, cụ thể là:

2.2.4.1. Về chủ quan

2.2.4.2. Về khách quan

Kết luận chương 2

1. Bản chất các vụ án có thể áp dụng biện pháp buộc công khai xin lỗi là loại án (tội danh) chiếm tỷ lệ không nhiều trong Bộ luật hình sự – vì đây chỉ là các tội có ảnh hưởng đến tổn thất về tinh thần của nạn nhân hoặc người bị hại. Cơ cấu của các tội có thể áp dụng chỉ ở hai nhóm là: Nhóm *tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe* và nhóm *tội xâm phạm danh dự nhân phẩm*. Trong đó nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe không phải tội danh nào cũng có quyền áp dụng biện pháp buộc xin lỗi.

2. Tỷ lệ vụ án xâm hại đến nhân phẩm danh dự hầu hết là quá trình xét xử người phạm tội đều tự giác, tự nhận để xin lỗi mà Tòa án ít phải nhắc hoặc buộc họ; Trong các vụ án này Tòa hầu hết ghi nhận vào bản án như một sự tri ân, góp phần làm giảm, vơi đi nỗi đau về thể xác, tinh thần của người bị hại và coi đó là tình tiết giảm nhẹ cho người phạm tội nên đã phản ánh vào bản án, qua thống kê cho thấy có 157 vụ án về tội hiếp dâm, cưỡng dâm đều ghi vào bản án.

3. Trình độ hiểu biết pháp luật của nhiều cán bộ tư pháp còn hạn chế nhất là Thẩm phán cấp huyện khi giải quyết vụ án. Họ chưa đánh giá đúng thiệt hại về vật chất (gồm thiệt hại về vô hình và hữu hình) mà thường chỉ đánh giá về hữu hình nên chưa bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại trong vụ án.

4. Quy định của pháp luật nhất là Bộ luật hình sự còn hạn chế, bất cập, chưa rõ như: có xung đột giữa Bộ luật hình sự và Bộ luật dân sự về các nội dung đã nêu phần trên; còn thiếu hướng dẫn về quy trình thủ tục thực hiện các nội dung khi giải quyết vụ án áp dụng các biện pháp.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP TRẢ LẠI TÀI SẢN, SỬA CHỮA HOẶC BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI, BUỘC CÔNG KHAI XIN LỖI TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

3.1. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về cải cách tư pháp có liên quan đến áp dụng biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi

Đảng và Nhà nước đã xác định rõ tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội cần phải bị trừng trị, xử lý nghiêm; đồng thời hậu quả của tội phạm phải được sửa chữa khắc phục ở mức độ cao nhất. Vận dụng quan điểm này pháp luật hình sự và pháp luật dân sự Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện qua các bộ luật như: BLHS năm 1999 đến BLHS năm

2015; Bộ luật dân sự năm 2005, Bộ luật dân sự năm 2015. Mỗi chế định, quy định cụ thể đều có bước tiến dài góp phần hoàn thiện... .

3.2. Các giải pháp cụ thể

3.2.1. Giải thích và hướng dẫn áp dụng biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi trong BLHS 2015

Phân tích quy định trên đây của BLHS năm 1999 cho thấy nội dung điều luật quy định còn hạn chế, bất cập cụ thể, song BLHS năm 2015 vẫn kế thừa y nguyên các quy định này là chưa có sự phát triển. Nếu áp dụng sẽ bộc lộ nhiều hạn chế cần khắc phục triệt để cụ thể:

Thứ nhất, Điều 42 BLHS năm 1999 và điều 48 BLHS năm 2015 quy định: *“1. Người phạm tội phải trả lại tài sản chiếm đoạt cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, phải sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại vật chất đã được xác định do hành vi phạm tội gây ra. 2. Trong trường hợp phạm tội gây thiệt hại về tinh thần, Tòa án buộc người phạm tội phải bồi thường về vật chất, công khai xin lỗi người bị hại”*.

3.2.2. Nâng cao trình độ đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân

Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã nhận định *“Đội ngũ cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp còn thiếu; trình độ nghiệp vụ và bản lĩnh chính trị của một bộ phận cán bộ còn yếu, thậm chí có một số cán bộ sa sút về phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp”*. Qua rà soát tình Thái Nguyên cho thấy toàn ngành Tòa án có 175 cán bộ (trong đó có 15 thẩm phán Tòa án cấp tỉnh, 65 thẩm phán cấp huyện, ngoài ra là các chức danh khác; Hội thẩm nhân dân hai cấp là 148 người); Ngành kiểm sát có 199 biên chế (trong đó kiểm sát viên tỉnh 32, kiểm sát viên huyện là 97, còn lại chức danh khác); Đội ngũ luật sư thuộc đoàn Luật sư tỉnh là 23 người; Biên chế làm công tác điều tra của Công an tỉnh là 135 cán bộ chiến sĩ (trong đó điều tra viên cao cấp 3, trung cấp 21 còn lại là ĐTV sơ cấp và cán bộ điều tra). Cơ quan thi hành án toàn ngành là 134 biên chế (trong đó chấp hành viên hai cấp là 65 người); Trước thực trạng cán bộ nêu trên, việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, các ngành tư pháp nói chung và Thẩm phán, hội thẩm nhân dân nói riêng được đặt ra cấp bách.

3.2.3. Nâng cao tuyên truyền, phổ biến văn hóa pháp lý trong nhân dân

Trong đó nâng cao giải thích trách nhiệm xã hội cho công dân về việc thực hiện bồi thường ngoài hợp đồng trong vụ án hình sự, hậu quả của nó để hạn chế hành vi phạm tội. Tăng cường giáo dục nghĩa vụ xã hội khi xảy ra tội phạm thì kịp thời tự giác khắc vi phạm do mình gây ra như tự nguyện bồi thường, tự nguyện xin lỗi, tự nguyện sửa chữa... mà không cần đến khi Tòa án quyết định để làm tình tiết giảm nhẹ, ý thức thi hành pháp luật.

Đẩy mạnh giải thích tuyên truyền pháp luật về bồi thường thiệt hại, các biện pháp tư pháp khác để nhân dân biết chủ động, tích cực bảo vệ quyền lợi của cá nhân khi là NBH trong vụ án, vụ việc để cung cấp tài liệu cho tòa án...

Kết luận chương 3

1. Đảng và Nhà nước đã xác định rõ tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội cần phải bị trừng trị, xử lý nghiêm; đồng thời hậu quả của tội phạm phải được sửa chữa khắc phục ở mức độ cao nhất. Vận dụng quan điểm này pháp luật hình sự và pháp luật dân sự Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện qua các bộ luật như: BLHS năm 1999 đến BLHS năm 2015; Bộ luật dân sự năm 2005, Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân. Việc nắm vững và nhận thức đầy đủ đúng đắn chức năng, nhiệm vụ của Tòa án, pháp luật nắm chắc, sẽ làm nền tảng cho thực hiện tốt công tác được giao, bảo đảm mọi hành vi vi phạm pháp luật đều phải được phát hiện, xử lý kịp thời, đáp ứng được các yêu cầu, nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước đã giao cho ngành Tòa án trong nhà nước pháp quyền.

3. Đẩy mạnh giải thích tuyên truyền pháp luật về bồi thường thiệt hại, các biện pháp tư pháp khác để nhân dân biết chủ động, tích cực bảo vệ quyền lợi của cá nhân khi là NBH trong vụ án, vụ việc để cung cấp tài liệu cho tòa án...

KẾT LUẬN

1. Biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi là biện pháp cưỡng chế hình sự do BLHS quy định và được cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng buộc người phạm tội phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi do hành vi phạm tội gây ra. Các biện pháp này là biện pháp cưỡng chế về hình sự của Nhà nước ít nghiêm khắc hơn hình phạt được áp dụng cho chính cá nhân, pháp nhân cụ thể thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội có mục đích nhằm hỗ trợ hoặc thay thế cho hình phạt, nhằm loại bỏ những điều kiện phạm tội, ngăn ngừa chủ thể bị áp dụng phạm tội trong tương lai. Các biện pháp này được áp dụng đối với tất cả các giai đoạn tố tụng. Vì vậy Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án đều có thẩm quyền áp dụng biện pháp tư pháp này khi có căn cứ đối với người phạm tội nói chung người bị tạm giữ, bị can, bị cáo và cả người bị kết án.

2. Nghiên cứu về các biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi là biện pháp cưỡng chế hình sự do BLHS quy định cho thấy: các vụ án có thể áp dụng biện pháp buộc công khai xin lỗi là loại án (tội danh) chiếm tỷ lệ không nhiều trong Bộ luật hình sự – vì đây chỉ là các tội có ảnh hưởng đến tổn thất về tinh thần của nạn nhân hoặc người bị hại. Cơ cấu của các tội có thể áp dụng chỉ ở hai nhóm là: Nhóm *tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe* và nhóm *tội xâm phạm danh dự nhân phẩm*. Trong đó nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe không phải tội danh nào cũng có quyền áp dụng biện pháp buộc xin lỗi. Bằng thực tế xét xử cho thấy: đối với các vụ án xâm hại đến nhân phẩm danh dự người bị hại hầu hết là quá trình xét xử người phạm tội đều tự giác, tự nhận để xin lỗi mà Tòa án ít phải nhắc hoặc buộc họ; Trong các vụ án này Tòa hầu hết ghi nhận vào bản án như một sự tri ân, góp phần làm giảm, vơi đi nỗi đau về thể xác, tinh thần của người bị hại và coi đó là tình tiết giảm nhẹ cho người phạm tội nên đã phản ánh vào bản án.

3. Bên cạnh những kết quả đạt của BLHS năm 1999, còn cho thấy: Quy định của pháp luật nhất là Bộ luật hình sự còn hạn chế, bất cập, chưa rõ như: có xung đột giữa Bộ luật hình sự và Bộ luật dân sự về các nội dung đã nêu phần trên; còn thiếu hướng dẫn về quy trình thủ tục thực hiện các nội dung khi giải quyết vụ án áp dụng các biện pháp. Mặt khác, trình độ hiểu biết pháp luật của nhiều cán bộ tư pháp còn hạn chế nhất là Thẩm phán cấp huyện khi giải quyết vụ án. Họ chưa đánh giá đúng thiệt hại về vật chất (gồm thiệt hại về vô hình và hữu hình) mà thường chỉ đánh giá về hữu hình nên chưa bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại trong vụ án. Vì vậy giải pháp thời gian tới cần: (i) Tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân nắm vững và nhận thức đầy đủ đúng đắn quy định của pháp luật về áp dụng các biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi mà BLHS quy định để nhận thức thống nhất, áp dụng đồng bộ, đúng đắn. (ii) Đẩy mạnh giải thích tuyên truyền pháp luật về bồi thường thiệt hại, các biện pháp tư pháp khác để nhân dân biết chủ động, tích cực bảo vệ quyền lợi của cá nhân khi là NBH trong vụ án, vụ việc để cung cấp tài liệu cho tòa án...